**ĐỀ 1 I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN**

**(Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án)**

**Câu 1:** Vùng nội thủy của biển nước ta

 **A.** kề với vùng tiếp giáp lãnh hải. **B.** nằm ở phía trong đường cơ sở.

 **C.** là phần nằm ngầm ở dưới biển. **D.** nằm liền kề vùng biển quốc tế.

**Câu 2:** Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quyết định bởi

**A.** ảnh hưởng của biển Đông rộng lớn. **B.** ảnh hưởng sâu sắc hoàn lưu gió mùa.

**C.** vị trí nằm trong vùng nội chí tuyến. **D.** chuyển động biểu kiến của Mặt Trời.

**Câu 3.** Đặc điểm nào sau đây đúng với địa hình của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ?

 **A**. Gồm các dãy núi cao, cao nguyên đá vôi, thung lũng rộng và đồng bằng.

 **B.** Địa hình đa dạng nhưng chủ yếu là đồi núi thấp và đồng bằng ven biển.

 **C.** Gồm các khối núi cổ, cao nguyên badan, sơn nguyên bóc mòn và đồng bằng.

 **D.** Chủ yếu là đồi núi thấp, đồng bằng châu thổ rộng lớn.

**Câu 4:** Biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học ở nước ta là

 **A.** đẩy mạnh trồng rừng. **B.** quy định việc khai thác.

 **C.** quy hoạch dân cư. **D.** xây hồ thủy điện.

**Câu 5:** Cơ cấudân số nước ta hiện nay

 **A.** phân bố đồng đều giữa các vùng. **B.** tăng nhanh, cơ cấu dân số già.

 **C.** tập trung chủ yếu ở thành thị. **D.** cơ cấu dân số vàng, lao động dồi dào.

**Câu 6:** Tác động tích cực của đô thị hóa đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta là

 **A.** thúc đẩy công nghiệp và dịch vụ phát triển. **B.** các đô thị ở nước ta có qui mô không lớn.

 **C.** các đô thị tập trung chủ yếu ở đồng bằng. **D.** ở nước ta có tỉ lệ dân thành thị tăng.

**Câu 7:** Cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ ở nước ta hiện nay đang chuyển dịch theo hướng

 **A.** hình thành các vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa.

 **B.** giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng ngành chăn nuôi.

 **C.** tăng tỉ trọng các sản phẩm có chất lượng cao cấp.

 **D.** giảm số lượng các khu công nghiệp, khu chế xuất.

**Câu 8:** Việc phát huy thế mạnh của từng vùng trong tổ chức lãnh thổ kinh tế **không** nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

 **A.** Tăng cường hội nhập với thế giới. **B.** Đẩy mạnh phát triển kinh tế.

 **C.** Phân hóa sản xuất giữa các vùng. **D.** Đa dạng hóa thành phần kinh tế.

**Câu 9:** Nông nghiệp nước ta hiện nay có xu hướng phát triển

 **A.** với quy mô rất nhỏ. **B.** theo hướng bền vững. **C.** đẩy mạnh quảng canh. **D.** cơ cấu ít đa dạng.

**Câu 10:** Nước ta có điều kiện tự nhiên nào để có thể phát triển ngành khai thác thủy sản?

 **A.** nhân dân có kinh nghiệm đánh bắt. **B.** phương tiện đánh bắt hiện đại.

 **C.** nhiều sông suối, kênh rạch, ao hồ. **D.** bờ biển dài, ngư trường trọng điểm.

**Câu 11:** Yếu tố nào sau đây tác động chủ yếu đến việc sản xuất theo hướng hàng hóa trong chăn nuôi ở nước ta hiện nay?

 **A.** Trình độ lao động được nâng cao. **B.** Nhu cầu thị trường tăng nhanh.

 **C.** Dịch vụ thú y có nhiều tiến bộ. **D.** Cơ sở thức ăn được đảm bảo hơn.

**Câu 12:** Cơ sở để phát triển năng lượng tái tạo ở nước ta là

 **A.** than đá. **B.** dầu mỏ. **C.** than nâu. **D.** gió.

**II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG, SAI**

**Thí sinh trả lời các câu hỏi sau. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.**

**Câu 1.** **Cho thông tin sau:**

 Dân số trung bình năm 2022 của cả nước ước tính 99,46 triệu người, tăng 957,3 nghìn người, tương đương tăng 0,97% so với năm 2021. Trong tổng dân số, dân số thành thị 37,35 triệu người, chiếm 37,6%; dân số nông thôn 62,11 triệu người, chiếm 62,4%; Tỷ số giới tính khi sinh là 111,6 bé trai/100 bé gái.

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)*

**a)** Dân số trung bình của cả nước tăng.

**b)** Nước ta có sự mất cân bằng giới tính khi sinh.

**c)** Số dân ở nông thôn vẫn còn nhiều do quá trình công nghiệp hóa chưa mạnh.

 **d)** Dân số của nước ta đông làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế.

**→ Đáp án: a,b,c đúng; d : sai.**

**Câu 2** **Cho bảng số liệu:**

SỐ LƯỢNG MỘT SỐ VẬT NUÔI CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2021

 *( Đơn vị: nghìn con )*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2021** |
| Trâu | 2,9 | 2,6 | 2,3 |
| Bò | 5,9 | 5,7 | 6,4 |
| Lợn | 27,3 | 28,9 | 23,1 |

 *( Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2021 )*

 **a)** Số lượng trâu giảm liên tục qua các năm.

 **b)** Số lượng bò, lợn tăng nhanh và liên tục.

 **c)** Số lượng trâu giảm do thức ăn không đảm bảo.

 **d)** Để thể hiện tốc độ tăng trưởng số vật nuôi, biểu đồ đường là thích hợp nhất.

**→ Đáp án: a,d đúng; b,c : sai.**

**Câu 3**: **Cho thông tin sau:**

Để thực hiện mục tiêu giảm phát thải C02, bên cạnh việc cải tiến kĩ thuật, nâng cấp công nghệ, tăng khả năng vận hành, ngành điện nước ta đang từng bước thực hiện chuyển dịch cơ cấu sang các nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo khác.

 **a)** Cơ cấu nguồn điện nước ta đang chuyển dịch theo hướng phát triển bền vững.

 **b)** Nước ta đẩy mạnh năng lượng tái tạo do lợi ích về kinh tế, môi trường và an sinh xã hội.

 **c)** Các nguồn năng lượng tái tạo góp phần thay thế hoàn toàn cho các nguồn năng lượng truyền thống tác động tiêu cực tới môi trường.

 **d)** Việt Nam đẩy nhanh phát triển năng lượng tái tạo chủ yếu do việc thực hiện các cam kết quốc tế về cắt giảm khí nhà kính.

**→ Đáp án a,b đúng; c,d : sai.**

**III. CÂU TRẮC NGHIỆM YÊU CẦU TRẢ LỜI NGẮN.**

**Câu 1. Cho số liệu sau :**

GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NGÀNH CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA NĂM 2010

VÀ NĂM 2021 *(Đơn vị: nghìn tỉ đồng)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2021** |
| **Giá trị sản xuất** | 3045,6 | 13026,8 |

*(Nguồn: Tổng cục thống kê năm 2021, 2022)*

 Căn cứ vào bảng số liệu, tính tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành công nghiệp của nước ta năm 2021 so với năm 2010. ( làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %).

**→ Đáp án: 428**

**Câu 2:** Nước ta có 54 dân tộc sinh sống ở khắp các vùng lãnh thổ của đất nước, nhiều nhất là dân tộc Việt (Kinh) là 82,9 triệu người, các dân tộc khác là 13,18 triệu người. Như vậy người Việt (Kinh) chiếm tỉ trọng là bao nhiêu trong tổng số dân? (làm tròn kết quả đến một số thập phân của %).

**→ Đáp án: 86,3**

**Câu 3.** Theo Niên giám thống kê năm 2022 (NXB Thống kê), quy mô dân số vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung là 20661,7 nghìn người; diện tích là 95847,9 km2. Vậy mật độ dân số của vùng là bao nhiêu người/km2? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/km2).

**→Đáp án:**  **216**

**Câu 4**: **Cho bảng số liệu:**

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC CÓ HẠT CỦA MỘT SỐ TỈNH NƯỚC TA NĂM 2022

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Tỉnh** | **Long An** | **Đồng Tháp** | **An Giang** | **Kiên Giang** |
| Diện tích lương thực có hạt *(Nghìn ha)* | 509,4 | 486,1 | 610,5 | 700,1 |
| Sản lượng lương thực có hạt *(Nghìn tấn)* | 2861,1 | 3234,9 | 3943,8 | 4405,4 |

*(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)*

 Theo bảng số liệu, hãy cho biết, năng suất lương thực có hạt của tỉnh Long An thấp hơn năng suất lương thực có hạt của tỉnh Đồng Tháp bao nhiêu tạ/ha? (Làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của tạ/ha)

**→ Đáp án: 10,3**

**IV. PHẦN TỰ LUẬN.**

**Câu 1 . Cho bảng số liệu:**

 CƠ CẤU GDP THEO NGÀNH CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2021

*(Đơn vị*%*:)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2019** | **2020** |
| Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản | 15,4 | 14,5 | 11,8 | 12,6 |
| Công nghiệp, xây dựng | 33,0 | 34,3 | 36,8 | 37,5 |
| Dịch vụ | 40,6 | 42,2 | 42,5 | 41,2 |
| Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm | 11,0 | 9,0 | 8,9 | 8,7 |

1. Hãy nhận xét sự chuyển dịch cơ cấu GDP theo ngành kinh tế nước ta giai đoạn 2010 – 2021 ? (1đ )
2. Giải thích nguyên nhân sự chuyển dịch trên? (1đ )